

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 476/2018/DS-ST

Ngày 05/10/2018.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 469/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 258/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Trụ sở: A, phường B, quận C Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Phan Thanh H (có mặt)

2/ Ông Trần Duy H (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng H, số A, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Thiệu Quang T , sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường B, khu phố C, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 8 năm 2017 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Thanh H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Do có nhu cầu vay vốn nên ông Thiệu Quang T đã có đơn đề nghị vay vốn và ký kết với Ngân hàng TMCP A các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5127/HDTD/UPL ngày 21/7/2014, số tiền vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 30 %/năm, mục đích vay để sửa nhà.

+ Hợp đồng tín dụng số 2211222 ngày 17/11/2014, số tiền vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 30 %/năm, mục đích vay mua sắm.

+ Hợp đồng tín dụng số 2824867 ngày 06/02/2015, số tiền vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 30 tháng, lãi suất vay 27%/năm, mục đích mua sắm vật dụng gia đình.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng TMCP A đã giải ngân cho ông T số tiền tổng cộng 90.000.000 đồng theo các hợp đồng tín dụng trên qua tài khoản số 66287106 của ông Thiệu Quang T . Đến nay Ngân hàng TMCP A đã nhiều lần thông báo về việc trả nợ nhưng ông T cố tình trốn tránh và cả 03 hợp đồng trên đều đã quá thời hạn thanh toán. Quá trình vay nợ ông T đã trả một phần nợ cho Ngân hàng TMCP A như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5127/HDTD/UPL ngày 21/7/2014 đã trả 5.180.340 đồng tiền nợ gốc và 6.358.350 đồng tiền nợ lãi, dư nợ chuyển quá hạn ngày 22/4/2015. Nợ gốc còn lại là 24.819.660 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 05/10/2018 là 39.205.797 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 2211222 ngày 17/11/2014 đã trả 2.760.734 đồng tiền nợ gốc và 3.640.496 đồng tiền nợ lãi, dư nợ chuyển quá hạn ngày 18/4/2015. Nợ gốc còn lại là 27.239.266 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 05/10/2018 là 43.165.187 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 2824867 ngày 06/02/2015 đã trả được 1.471.868 đồng tiền nợ gốc và 1.304.355 đồng tiền nợ lãi, dư nợ chuyển quá hạn ngày 07/3/2015. Nợ gốc còn lại là 28.528.132 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 05/10/2018 là 41.392.982 đồng.

Đến nay Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông Thiệu Quang T phải trả toàn bộ tiền nợ của 03 hợp đồng trên là: 80.587.058 đồng tiền nợ gốc và và tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 05/10/2018 là 123.763.966 đồng, tổng cộng là 204.351.024 đồng. Ngoài ra ông Tuấn phải chịu tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng từ ngày 06/10/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

+ Bản sao hợp đồng tín dụng; bảng sao kê tài khoản;

+ Bản photo CMND;

+ Bản photo Hộ khẩu của bị đơn.

+ Hồ sơ pháp lý ngân hàng

Các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Phiếu xác minh của Công an phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Thiệu Quang T nhưng bị đơn không nộp văn bản trình

bày ý kiến, không đến Tòa án lần nào. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt xét xử đến lần thứ 2 hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp như đã liệt kê nêu trên có cơ sở xác định Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A có cho ông Thiệu Quang T vay theo 03 hợp đồng tín dụng gồm:

- Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5127/HDTD/UPL ngày 21/7/2014, số tiền vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 30 %/năm, mục đích vay để sửa nhà.
- Hợp đồng tín dụng số 2211222 ngày 17/11/2014, số tiền vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 30 %/năm, mục đích vay mua sắm.
- Hợp đồng tín dụng số 2824867 ngày 06/02/2015, số tiền vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 30 tháng, lãi suất vay 27%/năm, mục đích mua sắm vật dụng gia đình.

Tại bảng sao kê tài khoản thẻ số 66287106 do Ngân hàng TMCP phát hành cho chủ tài khoản ông Thiệu Quang T thể hiện việc giải ngân theo các hợp đồng tín dụng trên. Từ ngày 21/4/2015 ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, Ngân hàng TMCP A đã thông báo nhắc nợ nhưng ông T không thực hiện việc trả nợ mà thay đổi nơi cư trú mà không báo cho Ngân hàng được biết. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín

dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng tiền đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, do đó Ngân hàng TMCP A là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật. Căn cứ vào bảng sao kê tài khoản thẻ số 66287106 thể hiện ông T đã trả nợ theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5127/HDTD/UPL ngày 21/7/2014 đã trả 5.180.340 đồng tiền nợ gốc và 6.358.350 đồng tiền nợ lãi, dư nợ chuyển quá hạn ngày 22/4/2015. Nợ gốc còn lại là 24.819.660 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 05/10/2018 là 39.205.797 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 2211222 ngày 17/11/2014 đã trả 2.760.734 đồng tiền nợ gốc và 3.640.496 đồng tiền nợ lãi, dư nợ chuyển quá hạn ngày 18/4/2015. Nợ gốc còn lại là 27.239.266 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 05/10/2018 là 43.165.187 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 2824867 ngày 06/02/2015 đã trả được 1.471.868 đồng tiền nợ gốc và 1.304.355 đồng tiền nợ lãi, dư nợ chuyển quá hạn ngày 07/3/2015. Nợ gốc còn lại là 28.528.132 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 05/10/2018 là 41.392.982 đồng.

Do đó có căn cứ chấp nhận buộc ông Thiệu Quang T phải trả cho Ngân hàng TMCP A tiền nợ theo 03 hợp đồng tín dụng là 80.587.058 đồng tiền nợ gốc và và tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 05/10/2018 là 123.763.966 đồng, tổng cộng là 204.351.024 đồng, ngoài ra ông T còn phải tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh từ ngày 06/10/2018 theo mức lãi suất được quy định tại các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Thiệu Quang T phải chịu án phí dân sự thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A.

Buộc ông Thiệu Quang T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng số HCM/14/5127/HDTD/UPL ngày 21/7/2014, Hợp đồng tín dụng số 2211222 ngày 17/11/2014 và Hợp đồng tín dụng số 2824867

ngày 06/02/2015 gồm: 80.587.058 đồng tiền nợ gốc và và tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 05/10/2018 là 123.763.966 đồng, tổng cộng là 204.351.024 (hai trăm lẻ bốn triệu ba trăm năm mươi một ngàn không trăm hai mươi bốn) đồng.

Ông Thiệu Quang T còn phải tiếp tục thanh toán tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 06/10/2018 theo mức lãi suất được quy định tại các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thiệu Quang T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 10.217.551 (mười triệu hai trăm mười bảy ngàn năm trăm năm mươi một) đồng, nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A 4.095.801 (bốn triệu không trăm chín lăm ngàn tám trăm lẻ một) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0037303 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát Nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát Nhân dân Q. Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự Q. Thủ Đức; (1)
- Đương sự; (2)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu